TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2023/DS-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Phước
2. Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lịnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2022/TLST-DS ngày 09/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T
Địa chỉ: Số X đường C, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
* Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số X đường C, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ quyền ngày 20/4/2023) (có mặt).

– *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số A đường S, khóm D, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

– *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Bà Sơn Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt).
+ Ông Sơn Thanh B (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Số G đường Đ, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh T trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ và Ngân hàng thống nhất ký kết 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng từng lần số: CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền

vay 800.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua BĐS tại số G đường Đ, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Thời hạn vay: 216 tháng, lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 12,25%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày giải ngân, lãi suất sẽ do Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 4,25%/năm và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm mở thẻ 18%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021, ông Nguyễn Văn Đồng có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CNST.HĐTC.02230921 ngày 23/9/2021 với Nhân hàng, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai nhà ở riêng lẻ cấp 3, diện tích xây dựng 75,3m^2, diện tích sàn 154,1m^2 thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16, diện tích 99,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 473142 được UBND thành phố S cấp ngày 15/5/2017, cập nhật biến động lần 1 ngày 14/10/2020, cập nhật biến động lần 2 ngày 21/9/2021 cho ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh D số: 2991, quyển số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, chứng thực ngày 23/9/2021 và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S ngày 23/9/2021.

Trong quá trình vay vốn ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 đã chuyển sang nợ quá hạn và ông Đ cũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện, cố tình tránh nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 25/4/2023 ông Đ còn nợ Ngân hàng tổng cộng 1.135.959.116 đồng gồm: Nợ thẻ tín dụng số Str/21/035 là 4.187.907 đồng (trong đó dư nợ thẻ là 3.988.843 đồng, lãi là 199.064 đồng); Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 là 1.131.771.209 đồng (nợ gốc: 792.591.881 đồng, lãi trong hạn 176.786.008 đồng, lãi quá hạn 149.458015 đồng, phạt chậm trả lãi 12.935.305 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ của 02 hợp đồng cho vay nêu trên gồm: Nợ thẻ tín dụng số Str/21/035 là 4.187.907 đồng (trong đó dư nợ thẻ là 3.988.843 đồng, lãi là 199.064 đồng); Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 là 1.131.771.209 đồng (nợ gốc: 792.591.881 đồng, lãi trong hạn 176.786.008 đồng, lãi quá hạn 149.458015 đồng, phạt chậm trả lãi 12.935.305 đồng). Đồng thời yêu cầu ông Đ thanh toán toàn bộ các khoản lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ. Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số Str/21/035, tại phiên toà người đại diện theo uỷ

quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả số tiền 4.187.907 đồng, không yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên đã ký kết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Sơn Thị H, Sơn Thanh B, nhưng bà H, ông B không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Sơn Thị H, ông Sơn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ, bà H và ông B.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Đ có ký kết với Ngân hàng 02 hợp đồng tín dụng, bao gồm: Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 800.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua BĐS tại số G đường Đ, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Thời hạn vay: 216 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 12,25%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày giải ngân, lãi suất sẽ do Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 4,25%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay: Thanh toán tiền mượn bên thứ ba để mua bất động sản tại địa chỉ G đường Đ, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm mở thẻ 18%/năm.

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021, cùng ngày 23/9/2021 ông Nguyễn Văn Đ có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CNST.HĐTC.02230921, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất hình thành trong tương lai nhà ở riêng lẻ cấp 3; diện tích xây dựng 75,3m^2, diện tích sàn 154,1m^2 thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16, diện tích 99,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00583 được UBND thành phố S cấp ngày 15/5/2017, cập nhật biến động lần thứ hai ngày 21/9/2021 cho ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[4] Trong quá trình vay vốn ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 đã chuyển sang nợ quá hạn và ông Đ cũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 25/4/2023 ông Đ còn nợ Ngân hàng tổng cộng 1.135.959.116 đồng gồm: Nợ thẻ tín dụng số Str/21/035 là 4.187.907 đồng (trong đó dư nợ thẻ là 3.988.843 đồng, lãi là 199.064 đồng); Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 là 1.131.771.209 đồng (nợ gốc: 792.591.881 đồng, lãi trong hạn 176.786.008 đồng, lãi quá hạn 149.458015 đồng, phạt chậm trả lãi 12.935.305 đồng).

[5] Xét thấy, việc ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên đã ký kết. Ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền vốn và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, khế ước nhận nợ và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông Đ có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/4/2023 ông Đ tổng cộng 1.135.959.116 đồng, gồm: Nợ thẻ tín dụng là 4.187.907 đồng (trong đó dư nợ thẻ 3.988.843 đồng, lãi 199.064 đồng); Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 là 1.131.771.209 đồng (nợ gốc: 792.591.881 đồng, lãi trong

hạn 176.786.008 đồng, lãi quá hạn 149.458015 đồng, phạt chậm trả lãi 12.935.305 đồng) là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Để đảm bảo cho khoản nợ vay 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng CNST.CN.02230921, ông Đ có thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là nhà ở riêng lẻ cấp 3; diện tích xây dựng 75,3m^2, diện tích sàn 154,1m^2 thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16, diện tích 99,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 473142 được UBND thành phố S cấp ngày 15/5/2017, cập nhật biến động lần thứ hai ngày 21/9/2021 cho ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CNST.HĐTC.02230921 ngày 23/9/2021. Việc thế chấp có chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu như ông Đ không tự nguyện trả nợ theo Hợp đồng tín dụng CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là nhà và đất toạ lạc tại địa chỉ G đường Đ, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng hiện có bà Sơn Thị H và ông Sơn Thanh B đang quản lý, sử dụng. Toà án đã thông báo đưa bà H, ông B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên hết thời gian được thông báo nhưng bà H, ông B không có văn bản trình bày ý kiến hay có yêu cầu gì đối với việc tranh chấp giữa các bên, cũng như đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

[9] Tại phiên toà, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đ phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[10] Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ số Str/21/035 tổng cộng 4.187.907 đồng, không yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên đã ký kết. Xét thấy việc Ngân hàng không yêu cầu ông Đ tiếp tục trả lãi nêu trên là có lợi cho ông Đ và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Kể từ ngày 23/5/2023, nếu ông Đ không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 thì ông Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 950.000 đồng, ông Đồng phải chịu.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đồng phải chịu 46.078.773 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền theo Hợp đồng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021 là 4.187.907 đồng (trong đó dư nợ thẻ 3.988.843 đồng và lãi 199.064 đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 là 1.131.771.209 đồng (Trong đó nợ gốc: 792.591.881 đồng, lãi trong hạn 176.786.008 đồng, lãi quá hạn 149.458.015, phạt chậm trả lãi 12.935.305 đồng).

Tổng cộng 1.135.959.116 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng TMCP T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Nguyễn Văn Đ phải tự nguyện trả số tiền theo Hợp đồng thẻ tín dụng số Str/21/035 ngày 27/9/2021, nếu ông Nguyễn Văn Đ không trả số

tiền trên, thì ông Nguyễn Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày 23/5/2023, ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Nguyễn Văn Đ phải tự nguyện trả số tiền theo Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.02230921 ngày 23/9/2021. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CNST.HĐTC.02230921 ngày 23/9/2021, tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là nhà ở riêng lẻ cấp 3, nhà 02 tầng; diện tích tầng trệt xây dựng 75,3m^2, diện tích sàn 154,1m^2 thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16, diện tích 99,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 473142 được UBND thành phố S cấp ngày 15/5/2017, cập nhật biến động lần thứ 2 cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 21/9/2021.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu chi phí thẩm định là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Do Ngân hàng TMCP T đã tạm nộp trước, nên ông Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 46.078.773 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000865, ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh